TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/HNGĐ-ST
Ngày 24 tháng 9 năm 2018
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nhẫn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lâm Ngọc Hà**
2. Bà **Ngô Khánh Vy**

Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Cẩm Minh**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: bà **Huỳnh Mộng Kiều**, Kiểm sát viên

Ngày 24/9/2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/2018/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 3 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2018/QĐXX-ST, ngày16/7/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2018/QĐST-HNGĐ ngày 31/7/2018 và thông báo về việc dời ngày xét xử số 25/TB-TA ngày 23/8/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Kim Thị Q**, sinh năm 1991,

Địa chỉ: Số 187 ấp P.H, xã P.T, huyện C.T, tỉnh S.T(có mặt)

2. Bị đơn: Ông **Thạch Minh B**, sinh năm 1988,

Địa chỉ: ấp P.H, xã P.T, huyện C.T, tỉnh S.T(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 09/3/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Kim Thị Q trình bày:

Bà và ông Thạch Minh B sống chung với nhau vào năm 2009 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng ngày 15/7/2011. Trong quá trình chung sống, bà và ông B có 01 con chung tên Thạch Thị B T, sinh ngày 28/3/2011. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông B không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu, không quan tâm chia sẽ và không có trách nhiệm đối với vợ và con.

Từ đó, tình cảm vợ chồng nhạt phai, bà và ông B không sống chung với nhau từ năm 2016 cho đến nay. Nay bà Kim Thị Q yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Kim Thị Q yêu cầu được ly hôn với ông Thạch Minh B.

Về con chung: 01 con chung tên Thạch Thị B T, sinh ngày 28/3/2011, bà xin được nuôi dưỡng đến trưởng thành và yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Đối với ông Thạch Minh B là bị đơn trong vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do và không có người đại diện tham gia phiên tòa, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b Khoản 2, Điều 227 và khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên Tòa, nguyên đơn đã thay đổi yêu cầu khởi kiện. Cụ thể: bà Kim Thị Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến trưởng thành và không yêu cầu ông Thạch Minh B cấp dưỡng. Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan hệ pháp luật và yêu cầu của đương sự:

[2] Nguyên đơn Kim Thị Q yêu cầu xin được ly hôn với bị đơn ông Thạch Minh B, về con chung yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Thạch Thị B T, sinh ngày 28/3/2011và không yêu cầu bị đơn Thạch Minh B cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*".

[3] Hội đồng xét xử xét thấy thực trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Q, ông B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và bà và ông B không sống chung với nhau từ năm 2016 cho đến nay, nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Q cho bà được ly hôn với ông B.

[4] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Q và ông B có 01 con chung Thạch Thị B T, sinh ngày 28/3/2011. Tại phiên tòa hôm nay, bà Q yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung đến trưởng thành và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, trong thời gian bà Q và ông B xảy ra mâu thuẫn, cháu T là con chung của ông bà, đã và đang sống chung với bà Q ổn định, để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt cho con chưa thành niên và theo nguyện vọng của cháu T là được sống chung với

mẹ. Từ những phân tích nêu trên, nên Hội đồng xét xử thấy rằng toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận. Giao cháu T cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành, ông B không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với ông B không trực tiếp nuôi con chung nhưng vẫn có quyền thăm nom con, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con, theo quy định tại các Điều 58, 81, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Q không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung, nên không đặt ra để xem xét.

[6] Về tài sản chungvà nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa có ý kiến phát biểu nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Kim Thị Q được ly hôn với ông Thạch Minh B, về con chung: Giao cháu Thạch Thị B T, sinh ngày 28/3/2011 cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành, về cấp dưỡng: Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con chung, nên không đặt ra xem xét, về tài sản và nợ chung: Không có, bà Q không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm không có giá ngạch, theo quy định tại Khoản 4, Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự và Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016.

Về quyền kháng cáo của đương sự được thực hiện theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273; khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 2, Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Kim Thị Q được ly hôn với ông Thạch Minh B.

1.1. Về con chung: Giao cháu Thạch Thị B T, sinh ngày 28/3/2011cho bà Q được trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành.

1.2. Về cấp dưỡng: Bà Q không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung, nên không đặt ra để xem xét.

Bị đơn ông Thạch Minh B không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Kim Thị Q phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001163, ngày 19/3/2018, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Nguyên đơn đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án, Đối với bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bán án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bán án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Viện Kiểm sát cùng cấp;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- UBND xã Phú Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Nhẫn